

BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ VÒNG 1 - KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022 TẠI BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1
(Đính kèm Thông báo số 96/TB-HĐTDVC ngày 01/03/2022 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
BÁC SĨ HẠNG III																			
A. VỊ TRÍ: BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ (51 người)																			
1	Vũ Minh Châu	5/7/1994	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	048061	12/12/2018	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Pháp (DELF - B1)	3/10/2016	Đại học Sư phạm TP.HCM	084008-201605/3259420	Ứng dụng CNTT cơ bản	17/7/2017	Trung tâm Kỹ thuật Điện toán Đại học Bách khoa TP.HCM	0038299	Đạt	
2	Lê Đăng Phát	28/01/1989	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Chuyên khoa I	Nhi khoa	0036696	7/4/2017	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B	10/1/2014	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ TP.HCM	959207	Tin học ứng dụng - B	2/1/2014	Cao đẳng Công thương TP.HCM	1331753	Đạt	
3	Khê Hoàng Nguyễn	1/6/1996	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ Y khoa	UPNT.BS/000704	27/01/2021	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Tonic 895	15/9/2019	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	27/4/2021	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	QH53202100115	Đạt	
4	Đào Hoàng Nhã	25/8/1994	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ Y khoa	UPNT.BS/000111	27/01/2021	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	IELTS 6.5	26/8/2020	Hội đồng Anh (British Council)		Tin học ứng dụng - A	4/11/2014	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	A1764010	Đạt	
5	Đặng Phước Hưng	27/9/1993	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	035365	24/8/2017	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - A2	26/5/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	006785	Ứng dụng CNTT cơ bản	2/10/2017	Đại học Bách khoa TP.HCM	0134119	Đạt	
6	Nguyễn Khánh Linh	17/11/1992	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Thạc sĩ	Nhi khoa	000022	25/3/2020	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B1	12/1/2017	Sở Giáo dục và đào tạo TP.HCM (Chứng chỉ CEFR - Cambridge)	0056227108	Tin học ứng dụng - B	26/9/2016	Đại học Ngân hàng TP.HCM	A2215041	Đạt	
7	Nguyễn Thị Ái Linh	30/12/1996	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	CA0199	29/7/2020	Đại học Y dược Cần Thơ	Tonic 620	24/5/2019	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	7/2/2020	Đại học Cần Thơ	0002464	Đạt	
8	Phạm Diễm Phúc	26/7/1995	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ Y khoa	001233	31/8/2020	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - Bậc 4	30/11/2020	Đại học Văn Lang	000704	Tin học ứng dụng - A	12/1/2006	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	A175896	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
9	Phan Thị Thanh Hà	8/3/1994	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	047948	12/12/2018	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Toeic 990	11/11/2017	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	10/2/2022	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học Công nghệ thông tin - ĐHQG HCM	025715	Đạt	
10	Huỳnh Thị Mộng Trinh	26/9/1994	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	048159	12/12/2018	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B2	27/12/2017	Đại học Sư phạm TPHCM	A2789480	Ứng dụng CNTT cơ bản	5/10/2017	Đại học Khoa học tự nhiên TP HCM	0219770	Đạt	
11	Tôn Nữ Cẩm Anh	12/1/1994		Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	UPNT BS/0001 89	12/12/2019	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Toeic 565	16/5/2019	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	21/8/2018	Đại học Khoa học tự nhiên TP HCM	0670526	Đạt	
12	Phan Minh Trí	5/9/1982	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Chuyên khoa I	Ngoại Thần kinh	0028064	13/01/2014	Đại học Y dược TPHCM	Anh - Bậc 3	31/3/2021	Đại học Sư phạm TPHCM	0011162	Ứng dụng CNTT cơ bản	22/5/2019	Đại học Sư phạm TPHCM	0935112	Đạt	
13	Võ Thị Thanh Trang	30/7/1990	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Chuyên khoa I	Nhi khoa	0041492	19/12/2018	Đại học Y dược TPHCM	Anh - Bậc 3	26/5/2020	Đại học Sư phạm TPHCM	0007141	Ứng dụng CNTT cơ bản	20/5/2020	Đại học Sư phạm TPHCM	008681	Đạt	
14	Lê Thị Mỹ Duyên	4/1/1992	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Chuyên khoa I	Nhi khoa	0045238	25/12/2019	Đại học Y dược TPHCM	Anh - B2	17/12/2019	Đại học Sư phạm TPHCM	0005687	Ứng dụng CNTT cơ bản	19/12/2019	Đại học Sư phạm TPHCM	006233	Đạt	
15	Phạm Thị Thu Thủy	6/1/1995	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ y khoa	DM00000334	6/11/2019	Đại học Võ Trường Toản	Anh - B	17/4/2019	Đại học Võ Trường Toản	A3100944	Ứng dụng CNTT cơ bản	19/12/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	006456	Đạt	
16	Hồ Võ Xuân Mai	17/7/1994	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ y khoa	048387	4/10/2018	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Toeic 815	26/01/2022	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	10/2/2022	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học CNTT TPHCM	025713	Đạt	
17	Nguyễn Phạm Bảo Nhiên	9/9/1994	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	000688	28/8/2019	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - Bậc 4 (Vstep)	28/11/2019	Đại học Sư phạm TP HCM	0005217	Ứng dụng CNTT cơ bản	3/12/2019	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TPHCM	01090	Đạt	
18	Lâm Gia Vinh	30/7/1995	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	UPNT BS/0007 33	12/12/2019	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B1	17/12/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	0005659	Ứng dụng CNTT cơ bản	20/8/2019	Đại học Bách khoa TP HCM	0869239	Đạt	
19	Trần Thị Tuyết Vân	14/8/1997	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	10230/MS-TTU	9/11/2021	Đại học Tân Tạo	Toeic 675	20/4/2021	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	2/10/2020	Đại học ngoại ngữ - Tin học TPHCM	005310	Đạt	
20	Hứa Tấn An	15/9/1994	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	003561	02/7/2019	Đại học Y dược Cần Thơ	Anh - A2	9/6/2020	Đại học Cần Thơ	0003094	Ứng dụng CNTT nâng cao	26/9/2019	Đại học Cần Thơ	0000005	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Chú chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	Nguyễn Quốc Cường	30/9/1993	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Thạc sĩ	Nhi khoa	0014452	24/12/2019	Dai học Y được - Dai học Huế	Anh - B1	9/9/2018	Dai học Ngoại ngữ - Dai học Huế	E00454	Ứng dụng CNTT cơ bản	17/7/2017	Dai học Tây Nguyên	0053852	Đạt	
22	Trần Thị Thuý Hương	27/7/1992	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Thạc sĩ	Nhi khoa	0001151	31/12/2020	Dai học Y được Huế	Anh - Bắc 4	22/5/2020	Dai học Ngoại ngữ - Dai học Huế	01578	Ứng dụng CNTT cơ bản	7/9/2020	Dai học Sư phạm Huế	C0001031	Đạt	
23	Hoàng Nguyệt Quỳnh	22/2/1994	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ đa khoa	C0005397	3/7/2018	Dai học Y được Huế	Anh - B2	12/7/2021	Dai học Ngoại ngữ - Dai học Huế	02793	Ứng dụng CNTT cơ bản	16/5/2018	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học ECO	0349674	Đạt	
24	Hồ Thị Minh Châu	9/12/1992	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ đa khoa	000246	22/7/2016	Dai học Y được Cần Thơ	Cử nhân Anh	10/12/2021	Dai học Cần Thơ	0037020	Ứng dụng CNTT nâng cao	27/11/2019	Dai học Xây dựng Miền Tây	002274	Đạt	
25	Lê Thanh Hà	18/5/1995	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ đa khoa	3000615	4/7/2019	Dai học Y Hà Nội	Anh - Bắc 4	10/5/2021	Dai học Sư phạm Hà Nội	005922	Ứng dụng CNTT cơ bản	27/2/2020	Dai học Mỏ Hà Nội	1148850	Đạt	
26	Trần Đức Trung	20/12/1992	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ Răng hàm mặt	026794	19/9/2016	Dai học Y được TPHCM	Anh - Bắc 4	31/3/2021	Dai học Sư phạm TPHCM	0011312	Ứng dụng CNTT cơ bản	16/3/2021	Dai học Sư phạm TPHCM	019167	Đạt	
27	Đoàn Thị Ngọc Phương	1/1/1992	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ đa khoa	035779	7/11/2017	Dai học Y được TP HCM	Toeic 820	18/11/2017	ETS		Tin học ứng dụng - B	2/12/2016	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - Dai học Ngân hàng TPHCM	A2215938	Đạt	
28	Dương Thị Trà My	27/6/1994	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ đa khoa	037072	28/8/2018	Dai học Y được TP HCM	Anh - B2	3/12/2018	Dai học Sư phạm TP HCM	B2-0332/DHSP	Ứng dụng CNTT cơ bản	24/1/2019	Dai học Khoa học tự nhiên TP HCM	00883098	Đạt	
29	Nguyễn Kim Văn Hiệp	28/11/1996	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ đa khoa	000255	27/1/2021	Dai học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B2	6/1/2020	Dai học Sư phạm TP HCM	0009552	Ứng dụng CNTT cơ bản	17/9/2019	Dai học Khoa học tự nhiên TP HCM	1120841	Đạt	
30	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hào	16/02/1994	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ đa khoa	048081	12/12/2018	Dai học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B2	8/9/2017	Dai học Sư phạm TP HCM	A2741265	Ứng dụng CNTT cơ bản	15/01/2019	Dai học Sư phạm TP HCM	0886359	Đạt	
31	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	12/11/1985	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Thạc sĩ	Nhi khoa	070977	8/11/2013	Dai học Y được TP HCM	Anh - B1	26/5/2021	Dai học Sư phạm TP HCM	0007038	Ứng dụng CNTT cơ bản	3/2/2016	Dai học Khoa học tự nhiên TP HCM	2271134	Đạt	
32	Lê Xuân Trung Hiếu	4/9/1994	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ đa khoa	036165	28/8/2018	Dai học Y được TP HCM	Anh - B1	27/12/2021	Dai học Sư phạm TP HCM	0011957	Ứng dụng CNTT cơ bản	19/10/2018	Dai học Sư phạm TP HCM	0586988	Đạt	
33	Trần An Hải Đăng	4/7/1993	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Dai học	Bác sĩ Y đa khoa	036224	9/11/2017	Dai học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Toeic 980	24/01/2022	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	4/1/2018	Dai học Bách khoa TP HCM	0304209	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Chí chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
34	Thái Thìn	22/8/1996	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	302/2408/Y14	31/8/2020	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - A2	6/11/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	0252/CCTA-2020	Ứng dụng CNTT cơ bản	12/1/2021	Đại học Bách khoa TP.HCM	QH3120200151	Đạt	
35	Trần Thị Thanh Thảo	3/12/1986	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Ngoại ngữ	0045552	25/12/2019	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - B	9/12/2013	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Long An	1293305	Ứng dụng CNTT cơ bản	21/6/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	1027167	Đạt	
36	Thái Thị Trọng	19/11/1994	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	048441	12/12/2018	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Toeic 685	25/02/2018	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	10/2/2022	Đại học Sư phạm TP.HCM	025714	Đạt	
37	Phạm Thị Ngọc Anh	15/5/1997	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	C0001685	16/7/2021	Đại học Y dược Huế	Anh - Bậc 3	12/7/2021	Đại học Ngoại ngữ Huế	02529	Ứng dụng CNTT cơ bản	4/5/2021	Trung tâm Tin học CITI - Huế	C00031535	Đạt	
38	Nguyễn Minh Trung	13/11/1993	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Thạc sĩ	Tai Mũi họng	UPNT.Thu/000137	19/4/2021	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B	14/1/2008	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	0016322	Ứng dụng CNTT cơ bản	20/01/2021	Trung tâm Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực - Đại học Bách khoa	QH53202000935	Đạt	
39	Phan Hồng Thắng	3/9/1993	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Thạc sĩ	Nhi khoa	000772	31/12/2020	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - C	9/9/2016	Trung tâm Ngoại ngữ - tin học, Đại học Bách khoa Đà Nẵng	2337891	Ứng dụng CNTT cơ bản	9/9/2016	Trung tâm Ngoại ngữ - tin học, Đại học Bách khoa Đà Nẵng	2600507	Đạt	
40	Bùi Văn Nhứt	24/11/1994	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	047991	12/12/2018	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B2	12/10/2017	Đại học Sư phạm TP.HCM	2741885	Ứng dụng CNTT cơ bản	30/8/2017	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	0178956	Đạt	
41	Thái Thị Thùy Trang	3/8/1997	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ Y khoa	000626	8/9/2021	Đại học Tây Nguyên	Anh - Bậc 3	11/6/2021	Đại học Tây Nguyên	2021.B1.0771	Ứng dụng CNTT cơ bản	1/6/2021	Đại học Tây Nguyên	TTN.TH.01534	Đạt	
42	Đỗ Kim Quang Minh	18/8/1987	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Chuyên khoa I	Nội thần kinh	0034213	30/3/2016	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B	12/4/2012	Đại học Sư phạm TP.HCM	A506728	Tin học ứng dụng - A	11/5/2012	Đại học Bách khoa TP.HCM	0359903	Đạt	
43	Lê Đa Ngọc Tiến	11/10/1992	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Thạc sĩ	Chẩn thương chỉnh hình	000710	31/12/2020	Đại học Y dược TP.HCM	Toeic 615	5/6/2020	IIG Việt Nam		Tin học ứng dụng - B	15/9/2015	Trung tâm ngoại ngữ - tin học HUEITC	2045783	Đạt	
44	Nguyễn Thân Anh Khoa	14/3/1987	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Chuyên khoa I	Nhi khoa	0050665	31/12/2020	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - B	17/9/2015	Đại học Ngân hàng TP.HCM	1755811	Tin học ứng dụng - A	6/11/2015	Trường Cao đẳng Công Thương	2014980	Đạt	
45	Nguyễn Ngọc Bách	14/9/1993	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Thạc sĩ	Nhi khoa	UPNT.Thu/000081	19/4/2021	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B	14/2/2008	Trung tâm ngoại ngữ - tin học - Đại học Ngoại ngữ tin học TP.HCM (HUEFLIT)	0142140	Ứng dụng CNTT cơ bản	28/11/2017	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	0220570	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
46	Hồ Lê Minh Thu	17/7/1997	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ Y khoa	YDS.B1.00038.3	24/9/2021	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - B2	19/01/2022	Đại học Ngân hàng TP.HCM	0064/DH/NH.NNTH	Ứng dụng CNTT cơ bản	14/01/2022	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học CNTT TP.HCM	023760	Đạt	
47	Dương Thị Hoàng Oanh	3/1/1991	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	030169	30/8/2016	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - bậc 4	27/12/2021	Đại học Sư phạm TP.HCM	0012324	Ứng dụng CNTT cơ bản	28/5/2020	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	1123448	Đạt	
48	Đào Thị Thu Hương	25/12/1994	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	036185	28/8/2018	Đại học Y dược TP.HCM	Toeic 470	4/1/2019	IIG Việt Nam		Tin học ứng dụng - B	21/9/2015	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	0103334	Đạt	
49	Dương Minh Toàn	29/10/1988	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Chuyên khoa I	Tai Mũi họng	0034129	30/3/2016	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - C	10/12/2012	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM	C0005030	Ứng dụng CNTT cơ bản	10/7/2020	Đại học CNTT ĐH Quốc gia HCM	QH40202011977	Đạt	
50	Trần Văn Tuấn	4/4/1992	Nam	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Thạc sĩ	Nhi khoa	000220	25/12/2019	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - Bậc 4	31/3/2021	Đại học Sư phạm TP.HCM	0011314	Ứng dụng CNTT cơ bản	8/2/2017	Đại học Sư phạm TP.HCM	0003115	Đạt	
51	Nguyễn Phương Nhi	11/11/1996	Nữ	Bác sĩ điều trị (Bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ Y khoa	UPNT.BS/0003.27	27/01/2021	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B1	16/11/2021	Đại học Văn Lang	E001361	Ứng dụng CNTT cơ bản	8/12/2020	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	C0007449	Đạt	
B. VỊ TRÍ: CHỈ ĐẠO TUYỂN (02 người)																			
1	Nguyễn Tấn Hưng	3/9/1995	Nam	Chỉ đạo tuyển (BS hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	000982	6/11/2019	Đại học Y dược TP.HCM	Toeic 570	15/9/2019	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	22/8/2018	Đại học Bách khoa TP.HCM	0428031	Đạt	
2	Vương Cẩm Thanh	20/5/1994	Nữ	Chỉ đạo tuyển (BS hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	UPNT.BS/0005.10	12/12/2019	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - Bậc 4	5/8/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	0002811	Ứng dụng CNTT cơ bản	22/10/2019	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	1122254	Đạt	
C. VỊ TRÍ: BÁC SĨ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (03 người)																			
1	Hồ Nguyễn Huy Hoàng	19/2/1995	Nam	Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh (BS hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	000581	28/8/2019	Đại học Y dược TP.HCM	Toeic 875	6/11/2018	ETS		Ứng dụng CNTT cơ bản	3/12/2019	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	QH40201901278	Đạt	
2	Đặng Vũ Khang	5/10/1991	Nam	Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh (BS hạng III)	Đại học	Bác sĩ đa khoa	022317	11/11/2015	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - A2	11/9/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	0008348	Ứng dụng CNTT cơ bản	24/11/2018	Đại học Giao thông vận tải TP.HCM	0109147	Đạt	
3	Nguyễn Trọng Tinh	22/7/1986	Nam	Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh (BS hạng III)	Đại học	Bác sĩ Y khoa	DM00000577	11/5/2020	Đại học Võ Trường Toản	Anh - B1	25/9/2020	Đại học Trà Vinh	0047898	Tin học ứng dụng -A	23/9/2004	Trung tâm Tin học Ngoại ngữ Cà Mau	723809	Đạt	
D. VỊ TRÍ: GIẢI PHẪU BỆNH (02 người)																			
1	Trần Thị Thủy Tiên	14/01/1993	Nữ	Giải phẫu bệnh lý (bs hạng III)	Đại học	Bác sĩ Y đa khoa	000697	12/12/2021	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - B	24/10/2007	Sở Giáo dục và đào tạo TP.HCM	963698	Ứng dụng CNTT cơ bản	19/12/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	006470	Đạt	

[illegible]

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Trần Đoàn Đài Trang	25/3/1998	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	CN00785	17/12/2020	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Trung - HSK3	27/12/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	H32012038286	Ứng dụng CNTT cơ bản	19/8/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	012248	Đạt	
2	Nguyễn Thị Tĩnh	11/3/1984	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	995633	11/2014	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - B	04/2014	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	A1368147	Tin học ứng dụng - B	02/2016	Trường Cao đẳng Thương Dông	A2287777	Đạt	
3	Lại Huỳnh Thanh Hương	9/8/1998	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	CN00796	17/12/2020	Đại học Hồng Bàng	Anh - B1	6/11/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	0009340	Ứng dụng CNTT cơ bản	23/7/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	010141	Đạt	
4	Hoàng Thị Nhung	18/01/1994	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	1125098	22/7/2015	Đại học Y khoa Vinh	Anh - Bậc 3	6/11/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	0009347	Ứng dụng CNTT cơ bản	12/12/2018	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	0675630	Đạt	
5	Nguyễn Thị Diệu Hiền	30/1/1991	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	TVU.1.014556	7/7/2021	Đại học Trà Vinh	Anh - A2	26/4/2021	Đại học Trà Vinh	0056702	Ứng dụng CNTT cơ bản	1/7/2020	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học CNTT TP.HCM	QH40202010803	Đạt	
6	Nguyễn Thị Thủy Hằng	19/12/1985	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	0104978	1/10/2007	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - B	9/10/2006	Đại học Công nghiệp TP.HCM	B934050	Tin học ứng dụng - A	11/2/2007	Viện nghiên cứu phát triển văn hóa và giáo dục Đông Nam Á	0007932	Đạt	
7	Trần Kim Ngân	31/01/1997	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	CN00770	17/12/2020	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Anh - Bậc 3	11/12/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	0009928	Ứng dụng CNTT cơ bản	1/9/2020	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	C0001934	Đạt	
8	Võ Thị Bích Huyền	6/1/1997	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	00769	17/12/2020	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Toeic 240	20/11/2020	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	1/9/2020	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	0001857	Đạt	
9	Trần Thị Minh Diễm	15/10/1983	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	1019722	6/12/2014	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Toefl ITP360	18/3/2020	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	24/8/2020	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	C0000310	Đạt	
10	Ta Thị Huệ	20/4/1998	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	000029	27/01/2020	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Toeic 450	28/11/2020	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	9/10/2020	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	0004601	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
11	Nguyễn Thị Hồng Yến	12/7/1985	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	1608837	26/8/2019	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Anh - B1	20/5/2019	Đại học Sài Gòn	128242	Ứng dụng CNTT cơ bản	23/5/2019	Đại học Sài Gòn	1022662	Đạt	
12	Vân Thị Nga	18/3/1988	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	1213055	6/4/2016	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Anh - A2	7/9/2018	Đại học Ngân hàng TP.HCM	A2718168	Ứng dụng CNTT cơ bản	22/5/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	0934989	Đạt	
13	Đàm Thị Kim Hoa	5/12/1997	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng III)	Đại học	Điều dưỡng	UPNT.CN/000 014	12/12/2019	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Anh - A2	2/10/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	0003481	Ứng dụng CNTT cơ bản	18/8/2019	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	1119884	Đạt	
ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV (06 người)																			
1	Lê Thị Thu Trang	9/5/1977	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng IV)	Cao đẳng	Điều dưỡng	B1099309	18/7/2019	Trường Cao đẳng Quảng Ngãi	Anh - B	31/12/2019	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	A3106507	Ứng dụng CNTT cơ bản	11/3/2019	Đại học Công nghệ thông tin - ĐHQG HCM	0966642	Đạt	
2	Nguyễn Thị Ý Nhi	8/1/1993	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng IV)	Cao đẳng	Điều dưỡng	B616668	19/8/2015	Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang	Anh - B	30/7/2014	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	A1519663	Tin học ứng dụng - B	26/8/2014	Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang	A1670104	Đạt	
3	Vân Thị Thảo	16/11/1992	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng IV)	Cao đẳng	Điều dưỡng	CDK4-239	5/9/2014	Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình	Anh - C	26/12/2018	Đại học Sư phạm Hà Nội	A4311509	Ứng dụng CNTT cơ bản	25/7/2020	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học CNTT TP.HCM	QH402020 12959	Đạt	
4	Nguyễn Huỳnh Thủy Vi	1/8/1996	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng IV)	Cao đẳng	Điều dưỡng	B1073149	2/7/2020	Cao đẳng Viễn Đông	Anh - B	14/01/2020	Cao đẳng Công nghệ LADEC	A3089943	Ứng dụng CNTT cơ bản	21/7/2020	Đại học CNTT - ĐH Quốc gia HCM	QH402020 14217	Đạt	
5	Phạm Thị Kim Ngân	8/9/1992	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng IV)	Cao đẳng	Điều dưỡng	0000996	6/10/2020	Cao đẳng Quảng Ngãi	Anh - B	13/5/2019	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	0178772	Ứng dụng CNTT cơ bản	22/5/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	0934995	Đạt	
6	Nguyễn Thị Phương	1/1/1989	Nữ	Điều dưỡng chăm sóc (DD hạng IV)	Cao đẳng	Điều dưỡng	A215941	29/3/2012	Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Anh - B	22/2/2011	Đại học Tây Đô	0485802	Tin học ứng dụng - A	22/6/2010	Đại học Cần Thơ	0323480	Đạt	
DƯỢC HẠNG III																			
A VỊ TRÍ: DƯỢC LÂM SÀNG (09 người)																			
1	Huỳnh Tấn Theo	8/5/1985	Nam	Dược lâm sàng (Dược hạng III)	Đại học	Dược	000423	6/11/2019	Đại học Y dược TP.HCM	Anh-B	30/3/2007	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM	511321	Ứng dụng CNTT cơ bản	13/01/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	006687	Đạt	
2	Tô Như Phương	12/6/1991	Nữ	Dược lâm sàng	Đại học	Dược	008670	21/9/2015	Đại học Y dược TP.HCM	Toeic 795	17/5/2020	ETS		Tin học ứng dụng - B	6/11/2015	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	A2136962	Đạt	

[illegible]

[illegible]

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	Nguyễn Hữu Duy Khánh	17/7/1995	Nam	Quản trị công sở (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	QH23201905022	19/4/2021	Đại học Bách khoa TPHCM	Toeic 565	30/7/2019	IIG Việt Nam						Đạt	Đạt chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Đại học Bách Khoa
2	Vũ Thị Hoài Nhung	29/5/1979	Nữ	Quản trị công sở (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Quản trị kinh doanh	310123	15/11/2001	Đại học Dân lập Hùng Vương	Anh - B	23/4/2007	Trung tâm Hỗ trợ phát triển ứng dụng công nghệ tin học ngoại ngữ	053282	Tin học ứng dụng - A	18/4/2001	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TPHCM	289968	Đạt	
3	Lưu Toàn Tấn	không có thông tin	Nam	Quản trị công sở (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Điện - Điện tử	05858/71/KH2/2003	14/10/2005	Đại học Bách khoa TPHCM	Anh - B	12/7/2006	Trung tâm Đại học Tài chức Cần Thơ	923659	Tin học ứng dụng - A	12/12/2002	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học Quốc gia TPHCM	384655	Đạt	
4	Ngô Hữu Tài	2/12/1998	Nam	Quản trị công sở (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Quản lý Công	001787	19/10/2020	Học viện Hành chính quốc gia TPHCM	Anh - B	4/7/2019	Đại học Ngân hàng TPHCM	A3125952	Không				Đạt	
C Vị trí: Cấp phát cung ứng vật tư (02 người)																			
1	Đoàn Thị Ngọc Nga	5/6/1988	Nữ	Cấp phát, cung ứng vật tư (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Quản trị kinh doanh	1008505	26/9/2016	Học viện Hàng không Việt Nam	Anh - Bậc 3	16/3/2021	Đại học Văn Lang	E000985	Ứng dụng CNTT cơ bản	26/4/2021	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học CNTT	019779	Đạt	
2	Lê Thùy	1/11/1978	Nữ	Cấp phát, cung ứng vật tư (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Quản trị kinh doanh	B206956	20/9/2000	Đại học Cần Thơ	Anh - B	26/2/2001	Trường Cao đẳng Sư phạm TPHCM	B493571	Ứng dụng CNTT cơ bản	24/8/2020	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	C0000628	Đạt	
D Vị trí: Công nghệ thông tin (02 người)																			
1	Lê Hải Ninh	30/3/1985	Nam	Công nghệ thông tin (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Công nghệ thông tin	419342	15/6/2018	Viện Đại học Mở Hà Nội									Đạt	Đạt chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Viện Đại học Mở Hà Nội (ngoại ngữ)
2	Đặng Hoàng Minh	17/3/1982	Nam	Công nghệ thông tin (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Công nghệ thông tin	419354	15/6/2018	Viện Đại học Mở Hà Nội									Đạt	Đạt chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Viện Đại học Mở Hà Nội (ngoại ngữ)
E Vị trí: Chuyên viên Tâm lý (03 người)																			
1	Trần Thị Mộng Cơ	7/10/1995	Nữ	Chuyên viên Tâm lý (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Tâm lý học	1453414	6/6/2017	Đại học Sư phạm TPHCM	Anh - B1	2/2/2021	Đại học Sư phạm TPHCM	0010443	Ứng dụng CNTT cơ bản	7/4/2021	Đại học Sư phạm TPHCM	019285	Đạt	
2	Lâm Nghiễm Thu Thảo	1/4/1982	Nữ	Chuyên viên Tâm lý (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Tâm lý học	QH25201805198	14/6/2019	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM	Anh - B1	17/12/2019	Đại học Sư phạm TPHCM	0005586	Ứng dụng CNTT cơ bản	4/7/2019	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TPHCM	1117444	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học			Số chứng chỉ	Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Vũ Thảo Uyên	8/7/1999	Nữ	Chuyên viên Tâm lý (Chuyên viên hạng III)	Đại học	Tâm lý học	2632-BDH-2021	25/5/2021	Đại học Sư phạm TPHCM	Trung - HSK3	17/10/2020	Hoa Văn quốc tế ManEdu	H32010026882	Ứng dụng CNTT cơ bản	4/10/2019	Đại học Sư phạm TP HCM	001799	Đạt	
4	Lý Tường Lợi	5/9/1995	Nam	Chuyên viên Tâm lý	Đại học	Tâm lý học	1445906	6/11/2017	Đại học Văn Hiến	Anh - Bắc 3/6	2/6/2017	Đại học Văn Hiến	A2427792	Ứng dụng CNTT cơ bản	20/12/2017	Đại học Văn Hiến	TH00065	Đạt	
CÁN SỰ (Hạng IV)																			
A Vị trí: Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa, phòng (01 người)																			
1	Châu Thị Đạt Thịnh	20/3/1989	Nữ	Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa, phòng (Cán sự)	Cao đẳng	Kế toán	A185729	8/8/2012	Đại học Điện lực	Anh - A	14/9/2009	Trung tâm ngoại ngữ - tin học Long An	A355191	Tin học ứng dụng - B	30/11/2008	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	B143347	Đạt	
Công tác xã hội																			
A Công tác xã hội hạng III (03 người)																			
1	Nguyễn Thị Cúc	19/9/1990	Nữ	Công tác xã hội (CTXH hạng III)	Đại học	Công tác xã hội	062562	10/9/2013	Đại học Mở TP HCM	Anh - A2	6/11/2020	Đại học Sư phạm TPHCM	0009209	Ứng dụng CNTT cơ bản	25/5/2019	Đại học Sư phạm TPHCM	0934874	Đạt	
2	Trần Thị Phong Lan	5/9/1997	Nữ	Công tác xã hội (CTXH hạng III)	Đại học	Công tác xã hội	0000927	14/4/2020	Đại học Mở TP HCM	Anh - B1	4/12/2020	Đại học Trà Vinh	0052090	Ứng dụng CNTT cơ bản	29/9/2020	Đại học Mở TP HCM	007181	Đạt	
3	Trần Thị Huyền	21/9/1988	Nữ	Công tác xã hội (CTXH hạng III)	Đại học	Công tác xã hội	05023/19KH2/2011	28/5/2012	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP HCM	Anh - B	13/3/2012	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TPHCM	0015865	Ứng dụng CNTT cơ bản	18/01/2021	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TPHCM	C0009133	Đạt	
B Nhân viên Công tác xã hội hạng IV (03 người)																			
1	Lâm Phùng Ngọc Trúc	18/9/1999	Nữ	Nhân viên CTXH (Hạng IV)	Cao đẳng	Công tác xã hội	C00004	24/3/2021	Trường Cao đẳng Kinh tế TP HCM	Toefl ITP 397	8/5/2020	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	24/8/2020	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TPHCM	C0000675	Đạt	
2	Trần Thanh Hiền	11/4/1999	Nữ	Nhân viên CTXH (Hạng IV)	Cao đẳng	Công tác xã hội	C00001	24/3/2021	Trường Cao đẳng Kinh tế TP HCM	Toefl ITP 387	8/12/2020	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	1/9/2020	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TPHCM	C0001829	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Nguyễn Thị Thủy Dương	29/8/1997	Nữ	Nhân viên CTXH (Hạng IV)	Cao đẳng	Công tác xã hội	B1127242	24/2/2021	Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM	Toeic 485	30/7/2020	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	8/4/2021	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học CNTT TPHCM	018304	Đạt	
KỶ SƯ (HẠNG III)																			
A	Vị trí: Nhân viên quản lý chất lượng xét nghiệm (02 người)																		
1	Nguyễn Thị Ngọc Dung	26/9/1979	Nữ	Nhân viên quản lý chất lượng xét nghiệm	Đại học	Sinh học	23SH/03-04	29/3/2004	Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM	Anh - C	7/12/2011	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ TP.HCM	A188619	Ứng dụng CNTT cơ bản	9/7/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	009515	Đạt	
2	Lê Thanh Khang	15/8/1994	Nam	Nhân viên quản lý chất lượng xét nghiệm (Kỹ sư hạng III)	Thạc sĩ	Công nghệ sinh học	QH09201800629	19/5/2020	Đại học Bách khoa TPHCM	Anh - B1	20/01/2020	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TPHCM	QH40201801945	Tin học ứng dụng - B (Access)	15/01/2014	Trung tâm Điện tử và tin học - Đại học Cần Thơ	A1422184	Đạt	
B	Vị trí: Dinh dưỡng lâm sàng (01 người)																		
1	Trang Thị Ánh Nguyệt	13/7/1996	Nữ	Dinh dưỡng lâm sàng (Kỹ sư hạng III)	Đại học	Công nghệ thực phẩm	431345	3/10/2018	Đại học Công nghệ Sài Gòn	Anh - A2	5/8/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	0002267	Ứng dụng CNTT cơ bản	20/6/2019	Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	1116596	Đạt	
KỸ THUẬT Y HẠNG III (XÉT NGHIỆM)																			
1	Đinh Thị Mỹ La	17/4/1994	Nữ	Xét nghiệm (Kỹ thuật Y hạng III)	Đại học	Xét nghiệm Y học	0000138	22/7/2016	Đại học Y dược Cần Thơ	Anh - B	8/4/2016	Trung tâm ngoại ngữ - Đại học Cần Thơ	A2183281	Tin học ứng dụng - B	9/12/2014	Trung tâm Ngoại ngữ - tin học TP Cần Thơ	A1829674	Đạt	
2	Hồ Yến Nhi	9/9/1997	Nữ	Xét nghiệm (Kỹ thuật Y hạng III)	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000359	28/8/2019	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - Bậc 3	29/10/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	0004497	Ứng dụng CNTT cơ bản	21/6/2019	Đại học Sư phạm TPHCM	1027128	Đạt	
3	Nguyễn Bà Phước	10/11/1986	Nam	Xét nghiệm (KT Y hạng III)	Đại học	Xét nghiệm	A263656	30/10/2009	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - B	24/4/2008	Đại học Sư phạm TP.HCM	B030772	Ứng dụng CNTT cơ bản	22/5/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	0935029	Đạt	
4	Bùi Thị Ngọc Thy	21/11/1994	Nữ	Xét nghiệm (KT Y hạng III)	Đại học	Xét nghiệm Y học	144479	8/9/2017	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Anh - A2	9/11/2018	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TPHCM	H18120067	Ứng dụng CNTT cơ bản	19/9/2017	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học CNTT TPHCM	0212857	Đạt	
5	Trần Thị Dương	12/5/1997	Nữ	Xét nghiệm (Kỹ thuật Y hạng III)	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	000337	28/8/2019	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - A2	17/12/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	0005300	Ứng dụng CNTT cơ bản	30/8/2019	Đại học Sư phạm TP.HCM	000655	Đạt	
6	Cai Thị Yến Linh	17/2/1999	Nữ	Xét nghiệm (Kỹ thuật Y hạng III)	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	BH9023	15/7/2021	Đại học Y dược Cần Thơ	Toeic 350+	24/12/2021	IIG Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	7/5/2019	Trung tâm Đào tạo Tin học - Đại học Cần Thơ	00010596	Đạt	

VIỆN
ĐỒNG
HỌC

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học				Kết quả vòng 1	Chú chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
7	Nguyễn Thị Thành Yên	4/5/1993	Nữ	Xét nghiệm (Kỹ thuật Y hạng III)	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	1747909	22/11/2019	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Anh - B	4/9/2013	Sở Giáo dục và đào tạo TP. Đà Nẵng	A1168274	Tin học ứng dụng - B	27/8/2014	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - Cao đẳng Đức Trí - Đà Nẵng	A1613117	Đạt	
8	Trần Nguyễn Hoài Thu	5/3/1992	Nữ	Xét nghiệm (KT Y hạng III)	Đại học	Xét nghiệm	CN01024	17/12/2020	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Anh - B	26/11/2012	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ	BA636850	Tin học ứng dụng - B	11/1/2013	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ thông tin	A955274	Đạt	
9	Đỗ Thị Thanh Trúc	22/10/1997	Nữ	Xét nghiệm (Kỹ thuật Y hạng III)	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CN01148	16/3/2021	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Anh - B	19/8/2016	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	A2304957	Tin học ứng dụng - B	24/8/2016	Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	A2365902	Đạt	
Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III)																			
A. Vị trí: Chỉ đạo tuyến (02 người)																			
1	Võ Hồng Thiên Ngọc	29/6/1993	Nữ	Chỉ đạo tuyến (YTCC hạng III)	Đại học	Y tế công cộng	000243	12/12/2019	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Pháp - A2	07/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	84008-012628	Ứng dụng CNTT cơ bản	28/5/2020	Trung tâm Tin học - Đại học Bách khoa	QH402020 07472	Đạt	
2	Trần Thị Bích Liên	12/8/1984	Nữ	Chỉ đạo tuyến (YTCC hạng III)	Đại học	Y tế công cộng	A0104490	1/10/2007	Đại học Y dược TP.HCM	IELTS 5.5	27/01/2022	IDP Việt Nam		Ứng dụng CNTT cơ bản	20/7/2017	Trung tâm Tin học - Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM	0139479	Đạt	
B. Vị trí: Giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn (01 người)																			
1	Đỗ Nguyễn Tố Nga	10/4/1999	Nữ	Giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn (YTCC hạng III)	Đại học	Y tế công cộng	2244/CN-ĐHYD-ĐT	7/9/2021	Đại học Y dược TP.HCM	Anh - B	19/3/2014	Sở Giáo dục và đào tạo TP.HCM	A1318960	Ứng dụng CNTT cơ bản	23/10/2020	Đại học Sư phạm TP.HCM	015681	Đạt	
KẾ TOÁN VIÊN (02 người)																			
1	Phạm Nguyễn Thiên Như	1/9/1992	Nữ	Tài chính - kế toán (Kế toán viên)	Đại học	Kế toán	1711368	3/8/2018	Đại học Mở TP.HCM	Anh - B	8/7/2013	Trung tâm Ngoại ngữ - Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Phú Lâm	A920185	Tin học ứng dụng - B	8/7/2013	Trung tâm Tin học - Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Phú Lâm	A947965	Đạt	
2	Nguyễn Lê Hồng Hoa	21/5/1991	Nữ	Tài chính - kế toán (Kế toán viên)	Đại học	Tài chính ngân hàng	872495	29/7/2014	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Anh - C	9/1/2014	Đại học Công nghiệp TP.HCM	A1274648	Tin học ứng dụng - A	5/1/2013	Đại học Công nghiệp TP.HCM	A762451	Đạt	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí ứng tuyển	Trình độ chuyên môn cao nhất					Ngoại ngữ				Tin học			Số chứng chỉ	Kết quả vòng 1	Ghi chú
					Trình độ	Chuyên môn	Số Bằng cấp	Ngày cấp	Nơi cấp	Trình độ	Ngày cấp	Trường	Số chứng chỉ	Trình độ	Ngày cấp	Trường			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
KỶ THUẬT VIÊN HẠNG IV																			
A				Vị trí: Dinh dưỡng tiết chế (01 người)															
1	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	23/5/1997	Nữ	Dinh dưỡng tiết chế (Kỹ thuật viên hạng IV)	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	B173382	24/7/2020	Trường Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ TP.HCM	Anh - A2	22/01/2021	Dai học Sư phạm TP.HCM	6711378	Ứng dụng CNTT cơ bản	28/9/2020	Dai học Sư phạm TP.HCM	2771881	Đạt	
B				Vị trí: Công nghệ thông tin (01 người)															
1	Nguyễn Văn Khim	7/11/1996	Nam	Công nghệ thông tin (KTV hạng IV)	Đại học	Khoa học máy tính	MBS6003467	4/5/2021	Đại học Mở TP.HCM									Đạt	Đạt chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Đại học Mở TP.HCM (ngoại ngữ)
C				Vị trí: Quản trị công sở (01 người)															
1	Đỗ Kim Thành	3/5/1981	Nam	Quản trị công sở (Kỹ thuật viên hạng IV)	Trung cấp	Điện công nghiệp và dân dụng	000505DCND20	4/5/2020	Trường Trung cấp Quốc tế Sài Gòn	Anh - B	9/11/2017	Dai học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	A2556111	Ứng dụng CNTT cơ bản	8/2/2018	Trung tâm Phát triển CNTT - Đại học CNTT TP.HCM	038176	Đạt	
Tổng cộng: 147 người																			

Lập bảng

Lê Nguyễn Nhật Hà

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2022

T.M. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Ngô Ngọc Quang Minh